

**KIẾN THỨC, NHU CẦU ĐÀO TẠO VỀ SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU
CỦA GIÁO VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH NĂM 2021**

*Phạm Thị Thu Hiền¹, Phạm Thị Thu Hương², Vũ Văn Đâu¹
¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, ²Trường Đại học Phenikaa*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, các yếu tố liên quan đến kiến thức, xác định nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của giáo viên một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nam Định năm 2021. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang bằng bộ câu hỏi điều tra trên 394 giáo viên tiểu học tại 10 trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nam Định. **Kết quả:** Điểm trung bình của kiến thức về sơ cấp cứu của giáo viên là $7,84 \pm 5,113$. Tỷ lệ giáo viên có kiến thức đạt là 130/394 chiếm 33% và 264/394 giáo viên chưa đạt kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu chiếm 67%. Có sự liên quan giữa điểm kiến thức sơ cấp cứu với số năm công tác và tỉ lệ tham gia các khóa tập huấn sơ cấp cứu. 97,7% giáo viên có nhu cầu tham gia các lớp tập huấn về sơ cấp cứu ban đầu. **Kết luận:** Hầu hết các giáo viên tham gia nghiên cứu đều nhận thấy tầm quan trọng của sơ cấp cứu (96,4%). Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng kiến thức về sơ cấp cứu của giáo viên chưa cao (kiến thức chưa đạt 67%), đa số giáo viên có nhu cầu được đào tạo về sơ cấp cứu (97,7%). Do đó các khóa đào tạo về sơ cấp cứu nên được tổ chức cho giáo viên bằng các buổi tập huấn lý thuyết và thực hành trực tiếp tại các trường tiểu học.

Từ khóa: Giáo viên tiểu học; Kiến thức; Nhu cầu đào tạo; Sơ cấp cứu ban đầu

**KNOWLEDGE, TRAINING NEEDES FOR FIRST AID TRAINING OF
PRIMARY TEACHERS IN NAM DINH CITY IN 2021**

ABSTRACT

Objectives: To describe the knowledge, factors related to knowledge, determine training needs on first aid of primary teachers in Nam Dinh city in 2021. **Subjects and Research method:** Using a cross-sectional descriptive research design by questionnaire survey on 394 primary school teachers at 10 primary schools in Nam Dinh city. **Results:** Score the average knowledge of teachers' first aid knowledge is 7.84 ± 5.113 . The percentage of teachers with satisfactory knowledge is 130/394, accounting for 33%, and 264/394 teachers who do not have knowledge of first aid account for 67%. There is a relationship between the score of first aid knowledge with the number of years of service and the rate of participation in first aid training courses. 97.7% of teachers have a need to attend training courses on first aid. **Conclusion:** Most of the teachers participating in the study recognized the importance of

Tác giả: Phạm Thị Thu Hiền
Địa chỉ: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
Email: phamvip@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/4/2022
Ngày hoàn thiện: 13/5/2022
Ngày đăng bài: 16/5/2022

first aid (96,4%). Research also shows that the knowledge of first aid teachers is not high (knowledge has not reached 67%), most teachers have a need to be trained in first aid (97,7%). Therefore, first aid training courses should be organized for teachers by direct theoretical and practical training sessions at primary schools.

Keywords: *Primary school teachers; Knowledge; Training needs; First aid*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sơ cấp cứu là những trợ giúp hay chữa trị ngay lúc ban đầu cho nạn nhân bị bất cứ chấn thương, sự cố hay bị một căn bệnh đột ngột nào đó trước khi có xe cấp cứu, bác sĩ, hoặc người có chuyên môn đến chữa trị [1]. Người bị nạn được sơ cấp cứu ban đầu tốt là vô cùng cần thiết bởi vì thời gian chờ đợi để tiếp cận chăm sóc y tế có thể làm nạn nhân lâm vào tình trạng nguy hiểm thậm chí là tử vong. Nếu người bị nạn được sơ cấp cứu ban đầu tốt ở cộng đồng thì sẽ giảm được nguy cơ tử vong, biến chứng cho nạn nhân đồng thời giảm được gánh nặng chi phí điều trị. Điều đó cho thấy rằng kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu là rất cần thiết cho mọi người [2].

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), mỗi năm tai nạn thương tích (TNTT) đã cướp đi hàng triệu sinh mạng trẻ em và hàng chục triệu trẻ khác phải nhập viện. Đối với trẻ còn sống, nếu có tổn thương tạm thời hay tàn tật vĩnh viễn thì nhu cầu chăm sóc, phục hồi chức năng, đã ảnh hưởng nhiều đến thể chất, tinh thần của trẻ, gia đình và xã hội tương lai. TNTT là nguyên nhân hàng đầu, chiếm 1/3 số nhập viện, gây 7 tàn phế, mất khả năng sống tiềm tàng [3] [4].

Tại các nước Đông Nam Á hàng năm, có khoảng 1,5 triệu tử trẻ em vong, 75% là tai nạn không chủ ý. Mô hình TNTT mỗi quốc gia có khác nhau nhưng nổi bật là tai nạn giao thông, đuối nước, bỏng, ngã, ngộ độc và vật sắc nhọn. Tai nạn thương tích chiếm đến 16% tổng gánh nặng bệnh tật toàn cầu,

là nguyên nhân hàng đầu gây nên TNTT cho dân cư trong khu vực. Theo ước tính, cứ mỗi trường hợp tử vong do TNTT thì sẽ có 30-50 trường hợp nhập viện, 50-100 trường hợp khác đến khám, sơ cứu tại các cơ sở y tế [5].

Theo thống kê tại Hoa Kỳ, hơn 200.000 trẻ em bị thương mỗi năm trên sân chơi tại các trung tâm chăm sóc trẻ em, công viên và trường học. Ngã xuống bề mặt sân chơi là một yếu tố góp phần gây ra 70% thương tích cần đến bệnh viện [6]. Một nghiên cứu ở Ba Lan cho thấy các tai nạn học đường xảy ra trong giờ giải lao (36,6%) và học thể dục (33,2%) là phổ biến nhất. Nơi thường xuyên xảy ra tai nạn là ở sân trường (29,7%), nhà thi đấu (20,2%), ở hành lang và cầu thang (25,2%) [7]. Ở nước ta, mỗi năm trung bình có hơn 370.000 trẻ bị tai nạn thương tích, trong đó nhóm từ 0 - 4 tuổi chiếm 19,5%, nhóm từ 5 - 14 tuổi chiếm 36,9%, Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích là 6.600 trường hợp một năm, chiếm tỷ lệ 35,5% trong tổng số trẻ tử vong trong toàn quốc do tất cả các nguyên nhân. Cứ 100.000 trẻ có 24 trẻ tử vong do tai nạn thương tích. Tai nạn thương tích đang là mối đe dọa cho mỗi gia đình, cộng đồng và cả quốc gia [2]. Trẻ em bị TNTT gây ra nhiều ca tử vong hơn người lớn và TNTT có thể xảy ra bất cứ lúc nào [8]. Khi xảy ra tai nạn nếu được sơ cấp cứu kịp thời có thể giảm nguy cơ tử vong và biến chứng do chấn thương. Trẻ em có nguy cơ xảy ra tai nạn trong trường học của các em. Những người chăm sóc chính ở trường cho trẻ em là giáo viên và họ là những người

bảo vệ đầu tiên của các em và là những cá nhân đầu tiên ứng phó với các trường hợp khẩn cấp của học sinh, vì vậy kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu của giáo viên là rất cần thiết [9].

Nhận biết được tầm quan trọng của sơ cấp cứu ban đầu (SCCBĐ) và mong muốn cải thiện vấn đề cấp thiết này, chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu tìm hiểu kiến thức và các yếu tố liên quan đến kiến thức, xác định nhu cầu đào tạo về SCCBĐ của giáo viên các trường tiểu học tại thành phố Nam Định.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Các trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Nam Định

Thời gian thu thập số liệu từ tháng 02/2021 đến tháng 06/2021.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Giáo viên các trường tiểu học tại thành phố Nam Định

Tiêu chuẩn lựa chọn: Cán bộ giáo viên có hợp đồng lao động ở tại các trường tiểu học tại thành phố Nam Định.

Tiêu chuẩn loại trừ: Các cán bộ giáo viên không có mặt hoặc đang trong kỳ nghỉ vào thời gian thu thập số liệu.

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.4. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu ngang [4]

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{pq}{\Delta^2}$$

Trong đó:

- n: Cỡ mẫu nghiên cứu cần có

- p: Tỷ lệ mắc bệnh/hiện tượng sức khỏe tại một quần thể tương tự (ước tính từ một nghiên cứu trước đó hoặc nghiên cứu thử). Trong trường hợp không có thông tin này, ta có thể lấy giá trị của p = 0,5 vì khi đó pq sẽ lớn nhất và như vậy, cỡ mẫu sẽ là lớn nhất.

- q = 1 - p

- Δ: Khoảng sai lệch cho phép giữa tỷ lệ thu được từ mẫu nghiên cứu và tỷ lệ của quần thể (theo ý tưởng của người nghiên cứu). Và thường lấy Δ = 0,05 hoặc 0,1 ứng với sai lệch 5% hoặc 10%.

- α: Mức ý nghĩa thống kê (được qui ước bởi người nghiên cứu); α thường là 0,1 hoặc 0,05 hay 0,01 ứng với độ tin cậy là 90%; 95% và 99%.

- $Z_{1-\alpha/2}$: Giá trị Z thu được từ bảng Z ứng với giá trị α được chọn.

Trong nghiên cứu này chúng tôi chọn p = 0,5 và tính từ công thức trên được 384 giáo viên, cộng thêm 5% cho tỷ lệ bỏ cuộc và sai sót trong quá trình thu thập số liệu. Sau khi thu thập và làm sạch số liệu có 394 phiếu điều tra đủ điều kiện sử dụng để phân tích dữ liệu.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện số giáo viên từ các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nam Định đến khi đạt đủ cỡ mẫu nghiên cứu [10].

2.5. Công cụ đánh giá kiến thức

Kiến thức của đối tượng nghiên cứu được đánh giá thông qua 16 câu hỏi về kiến thức của SCCBĐ trong các trường hợp: Số điện thoại trung tâm cấp cứu, định nghĩa SCCBĐ, mục đích, nguyên tắc SCCBĐ, các bước xử trí ngừng tuần hoàn, sơ cứu rắn cắn, chảy máu, gãy xương, đuối nước, bỏng,

điện giật, ngất, hóc thức ăn, bong gân, chảy máu cam, co giật. Các câu hỏi được dịch từ bảng kiểm tra kiến thức sơ cấp cứu ban đầu của hội chữ thập đỏ Anh [11], đã được kiểm duyệt bởi các bác sỹ chuyên khoa lâm sàng, được chỉnh sửa và được đánh giá độ tin cậy phiên bản tiếng Việt [11, 12]. Kết quả độ tin cậy bộ công cụ của nghiên cứu này Cronback's Alpha bằng 0,715. Mỗi câu trả lời điền đúng và đầy đủ được tính là câu trả lời đúng. Các câu trả lời sai là câu trả lời không điền đầy đủ hoặc sai đáp án. Điểm kiến thức chung được tính đạt khi trả lời đạt $\geq 50\%$ số câu hỏi.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

Mỗi giáo viên sẽ được nghiên cứu viên phát bộ câu hỏi in sẵn và hoàn thành tại

trường Tiểu học nơi thực hiện nghiên cứu. Trước khi giáo viên tự điền vào bộ câu hỏi, nghiên cứu viên giải thích rõ mục tiêu nghiên cứu, hướng dẫn cách điền vào phiếu điều tra. Nghiên cứu viên thu lại phiếu sau khi giáo viên hoàn thành phiếu điều tra. Thời gian thực hiện phiếu điều tra khoảng 15 - 20 phút cho mỗi phiếu.

2.7. Xử lý số liệu

Số liệu thu thập được mã hóa sau đó xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả được mô tả bằng bảng phân phối tần suất, tỷ lệ, phép kiểm định t-test, chi square(χ^2) và Oneways Anova với mức ý nghĩa $p < 0,05$ được sử dụng để so sánh sự khác biệt giữa hai hay nhiều nhóm yếu tố.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=394)

Đặc điểm chung		SL	%
Giới tính	Nam	32	8,1
	Nữ	362	91,9
Tuổi	≤ 30 tuổi	112	28,4
	Trên 30	272	61,6
Trình độ học vấn	Dưới đại học	154	39
	Đại học trở lên	240	61
Số năm công tác	≤ 5 năm	74	19,8
	> 5 năm	320	81,2
Đã từng nghe về SCCBD	Có	365	92,6
	Chưa	29	7,4

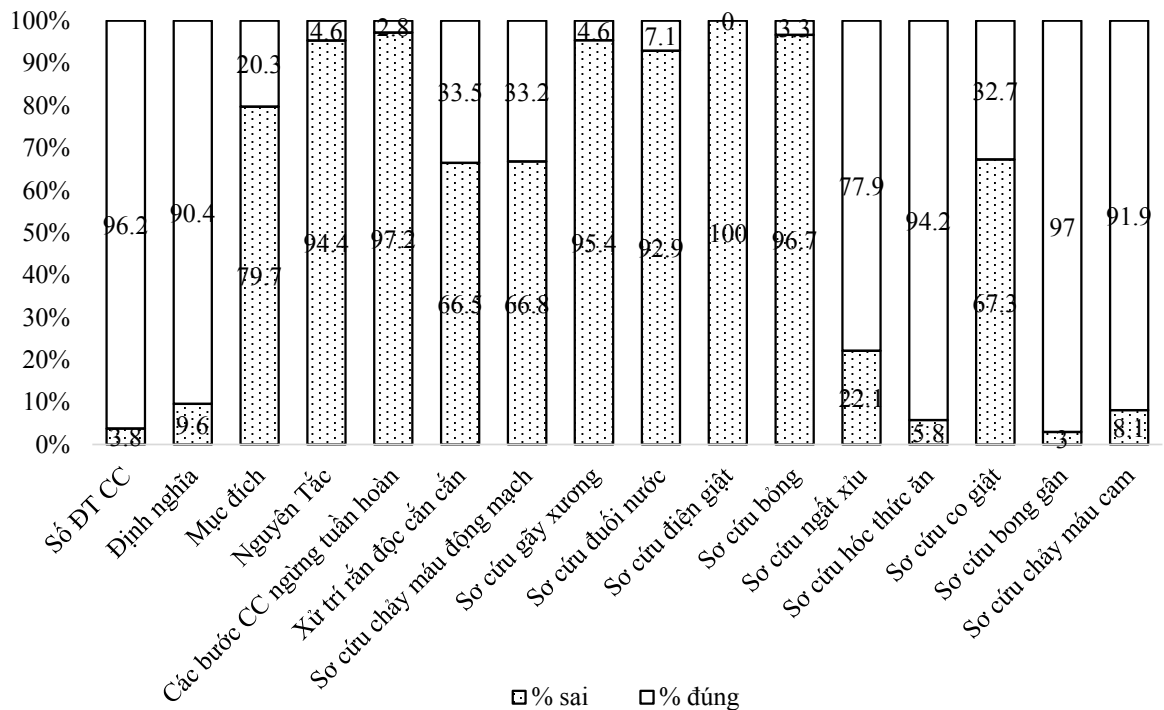
Nhận xét: Từ kết quả trên ta thấy trong 394 giáo viên tiểu học tham gia nghiên cứu có: 362 giáo viên nữ (91,9 %) và 32 nam (8,1%); độ tuổi từ 30 đến 50 chiếm đa số với 64,3%; tỷ lệ giáo viên có trình độ đại học trở lên chiếm 61%; đa phần giáo viên có thâm niên công tác trên 5 năm (81,2%); tỷ lệ đã từng nghe về SCCBĐ là 92,6%.

3.2. Kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Điểm kiến thức của đối tượng nghiên cứu (n= 394)

Kiến thức SCCBĐ	SL	%	$\bar{X} \pm SD$
$\geq 50\%$	130	33	$7,84 \pm 1,747$
$< 50\%$	264	67	

Nhận xét: Điểm trung bình về kiến thức SCCBĐ của giáo viên là $7,84 \pm 1,747$ điểm. Tỷ lệ giáo viên có kiến thức đạt 33%, chưa đạt 67%



Biểu đồ 1. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu trả lời đúng theo các tình huống

Nhận xét: Tỷ lệ giáo viên trả lời đúng cao trong đa số các chủ đề sơ cấp cứu cấp cứu 92%, định nghĩa SCCBĐ 90,4%, sơ cứu bong gân 97%, chảy máu cam 91%, sơ cứu ngất 77,9%. Trong khi các kiến thức về nguyên tắc (4,6%) và các bước sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn (2,8%) là rất thấp, sơ cứu bỏng đúng cách chiếm 3,3%. Tỷ lệ trả lời đúng về mục đích của SCCBĐ chỉ đạt 20%, sơ cứu chảy máu động mạch đạt 33,2%, sơ cứu điện giật 32,7%, xử trí rắn độc cắn 33,2%.

Bảng 3. Mối liên quan kiến thức sơ cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu và một số yếu tố liên quan (n = 394)

Đặc điểm chung		Đạt		Không đạt		CI (95%)	P
		SL	%	SL	%		
Tuổi	≤ 30 tuổi	33	25,4	79	29,9	0,599 - 1,201	0,207
	Trên 30	97	74,6	185	70,1	0,937 - 1,210	
Giới	Nam	8	6,2	24	9,1	0,313 - 1,465	0,212
	Nữ	122	93,8	240	90,9	0,974 - 1,094	
Trình độ học vấn	< Đại học	48	36,9	106	40,2	0,831 - 1,423	0,307
	≥ Đại học	82	63,1	158	59,8	0,805 - 1,118	
Số năm công tác	≤ 5 năm	14	10,8	60	22,7	0,275 - 0,815	0,002
	> 5 năm	116	89,2	204	77,3	1,057 - 1,262	
Tham gia khóa đào tạo, tập huấn	Có	43	33,1	114	43,2	0,986 - 1,729	0,034
	Chưa	87	66,9	150	56,8	0,723 - 0,797	
Đã từng thực hiện SCCBD	Có	68	52,3	152	57,6	0,895 - 1,413	0,189
	Chưa	62	47,7	112	42,4	0,748 - 1,103	
Nhu cầu đào tạo về SCCBD	Có	127	97,7	258	97,7	0,973 - 1,036	0,617
	Không	3	2,3	6	2,3	0,119 - 3,381	

Nhận xét: Có mối liên quan của điểm kiến thức của giáo viên với các yếu tố số năm công tác ($p = 0,002$), tham gia khóa đào tạo ($p = 0,034$). Không có mối liên quan điểm kiến thức với tuổi, giới, nhu cầu đào tạo SCCBD; nhận thấy sự cần thiết của SCCBD và đã thực hiện SCCBD ($p > 0,05$).

2. Nhu cầu về đào tạo tập huấn về sơ cấp cứu ban đầu của giáo viên tiểu học

Bảng 4. Thông tin về nhu cầu đào tạo/ tập huấn về sơ cấp cứu của giáo viên (n = 394)

Nhu cầu đào tạo/tập huấn SCCBD		SL	%
Đã tham gia lớp tập huấn/đào tạo SCCBD	Đã tham gia	157	39,8
	Chưa tham gia	237	60,2
Nhận thấy sự cần thiết của SCCBD	Có	380	96,4
	Không	14	3,6
Nhu cầu về đào tạo/tập huấn về SCCBD	Có	385	97,7
	Không	9	2,3

Nhận xét: Có 96,4% giáo viên nhận thấy sự cần thiết của SCCBD và 97,7% giáo viên có nhu cầu về đào tạo và tập huấn về SCCBD. Chỉ có 39,8% giáo viên đã được tham gia các lớp tập huấn hoặc được đào tạo về SCCBD.

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức và tham gia các khóa đào tạo/ tập huấn của đối tượng nghiên cứu (n = 394)

Trường hợp		Đã tham gia đào tạo, tập huấn				p
		Đã tham gia		Chưa tham gia		
		n	%	n	%	
Số điện thoại cấp cứu	Đúng	150	95,5	229	96,6	0,60
	Sai	7	4,5	8	5,4	
Định nghĩa SCCBD	Đúng	148	94,2	208	87,7	0,036
	Sai	9	5,8	29	12,3	
Nguyên tắc SCCBD	Đúng	9	5,7	11	96,2	0.234
	Sai	148	94,3	9	3,8	
Mục đích SCCBD	Đúng	18	11,5	64	27,0	0,000
	Sai	139	88,5	173	73,0	
Các bước xử trí ngừng tuần hoàn	Đúng	4	2,6	7	3,0	0,811
	Sai	153	97,4	230	97,0	
Rắn cắn	Đúng	104	66,2	159	67,0	0,861
	Sai	54	33,8	78	33,0	
Chảy máu	Đúng	53	33,8	78	33,0	0,356
	Sai	104	66,2	159	67,0	
Gãy xương	Đúng	8	5,0	10	4,0	0,145
	Sai	149	95,0	224	9,0	
Đuối nước	Đúng	10	6,4	18	97,0	0,007
	Sai	147	93,6	219	3,0	
Điện giật	Đúng	55	35,0	75	31,6	0,01
	Sai	102	65,0	162	68,4	
Bỏng	Đúng	6	4,0	7	2,0	0,008
	Sai	151	96,0	227	98,0	
Ngất	Đúng	129	82,0	178	75,0	0,098
	Sai	28	18,0	59	25,0	

Trường hợp		Đã tham gia đào tạo, tập huấn				p
		Đã tham gia		Chưa tham gia		
		n	%	n	%	
Hóc thức ăn	Đúng	149	94,9	222	93,6	0,609
	Sai	8	5,1	15	6,4	
Bong gân	Đúng	155	98,7	227	95,7	0,096
	Sai	2	1,3	10	4,4	
Chảy máu cam	Đúng	150	95,5	212	94,9	0,03
	Sai	7	4,5	25	5,1	
Co giật	Đúng	82	52,0	123	51,8	0,949
	Sai	75	48,0	114	47,2	

Nhận xét: Có sự khác biệt kiến thức SCCBD giữa hai nhóm giáo viên đã được đào tạo SCCBD và giáo viên chưa được đào tạo SCCBD ở các chủ đề định nghĩa SCCBD ($p=0,036$), mục đích SCCBD ($p=0,000$), đuối nước ($p=0,007$), điện giật ($p=0,01$), bỏng ($p=0,008$), chảy máu cam ($p=0,03$).

4. BÀN LUẬN

Chưa có nghiên cứu tương tự đánh giá mức độ kiến thức, nhu cầu đào tạo của giáo viên tại các trường tiểu học ở Việt Nam. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy chỉ có 1/3 giáo viên có kiến thức về SCCBD đạt (33%), có mối liên quan giữa kiến thức với số năm công tác và đã được đào tạo, tập huấn về SCCBD. Kết quả này thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Kala Barathi S (2019) kiến thức về SCCBD các chấn thương thường gặp tại trường học cho thấy kiến thức của giáo viên tiểu học tại các trường trong khu vực có (47%) kiến thức đầy đủ, (33%) kiến thức trung bình, (20%) kiến thức không đầy đủ [8]. Nghiên cứu của Wubet Taklual năm 2020 trên 216 giáo viên tiểu học ở thị trấn Debre Tabor, North Central Ethiopia có tới 45,8% đối tượng nghiên cứu đã được tìm hiểu về sơ cứu, nghiên cứu này cũng cho thấy có mối liên quan giữa kiến

thức với thâm niên công tác (những người có trên 5 năm công tác có kiến thức cao hơn những người khác), đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu [13].

Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy có sự khác biệt kiến thức SCCBD giữa hai nhóm giáo viên đã được đào tạo SCCBD và giáo viên chưa được đào tạo SCCBD ở các chủ đề: định nghĩa, mục đích SCCBD, đuối nước, điện giật, bỏng, chảy máu cam ($p<0,05$). Trong nhóm giáo viên chúng tôi nghiên cứu, kiến thức của giáo viên còn thiếu cao nhất ở các chủ đề về hồi sức tim phổi, co giật, rắn cắn. Có đến trên 94% các giáo viên thiếu kiến thức về việc hồi sinh tim phổi. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Joseph đã tiến hành nghiên cứu về nhận thức, thái độ và thực hành sơ cứu giữa các giáo viên trường học ở Mangalore, Nam Ấn Độ. Nghiên cứu cắt ngang của họ bao gồm 146 giáo viên, chỉ có tám giáo viên có nhận thức đúng về hồi sinh tim phổi [14].

Điều này cũng có thể hiểu là việc tiến hành hồi sinh tim phổi theo đúng các bước như chuẩn thực hành cần được đào tạo bài bản trong các trường về khoa học sức khỏe hoặc các khóa huấn luyện SCCBD theo chuyên đề. Đây cũng là cơ sở để đề xuất các chương trình tập huấn phù hợp cho đội ngũ giáo viên tiểu học trên địa bàn nghiên cứu cũng như trên toàn quốc.

Đa số các giáo viên có kiến thức tốt về định nghĩa và nguyên tắc về SCCBD, một số trường hợp như xử trí sơ cứu chảy máu cam, sơ cứu ngất, sơ cứu co giật, bong gân, chảy máu đa số các giáo viên đều có kiến thức tốt cho dù được đào tạo hay chưa qua lớp đào tạo, tập huấn về SCCBD (Bảng 5). Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Wubet Taklual năm 2020. Hầu hết những người được hỏi biết các biện pháp chính xác chống lại việc tăng cường chảy máu 186 (86,1%), tiếp đó là hóc dị vật 147 (68,1%), co giật 133 (61,6%), chảy máu cam 154 (71,3%) [13]. Tuy nhiên vào năm 2019, một nghiên cứu mô tả cắt ngang đã được thực hiện tại thành phố Riyadh, KSA, để đánh giá mức độ hiểu biết của giáo viên và người hướng dẫn trong trường liên quan đến thực hành sơ cấp cứu ban đầu. Khi được hỏi về các bước xử lý khi trẻ bị chảy máu cam, 62,2% trả lời sai [9]. Mặc dù quan niệm về tư thế của trẻ khi bị chảy máu mũi là một trong những trường hợp thường gặp ở trẻ tiểu học nhưng quan niệm sai lầm về đúng tư thế cũ vẫn không thay đổi, chứng tỏ sự thiếu hiểu biết về kiến thức sơ cứu. Ở nước ta tỷ lệ giáo viên có kiến thức cao hơn. Có thể đây là những TNTT thường xuyên xảy ra hàng ngày mà các giáo viên hay bạn bè, người thân hay mắc phải. Và đây cũng là những nội dung kiến thức hay được thông tin đại chúng như báo đài, ti vi, internet hay sự hướng dẫn lẫn nhau của mọi người trong cộng đồng. Hơn nữa, đây cũng là những

TNTT ít nguy hiểm tới tính mạng hơn, nội dung sơ cấp cứu thì đơn giản hơn, dễ học và dễ thực hiện hơn nên giáo viên có thể bình tĩnh để xử trí những trường hợp này một cách tốt hơn. Mặc dù những nội dung này có kiến thức cao hơn so với sơ cấp cứu ngừng tim phổi, rắn cắn.... tuy nhiên, mức độ kiến thức như vậy là vẫn còn thấp để chúng ta có thể xử trí tốt trong những trường hợp TNTT có thể bất ngờ xảy ra.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 96,4% giáo viên nhận thấy sự cần thiết của SCCBD và 97,7% giáo viên có nhu cầu về đào tạo và tập huấn về SCCBD. Chỉ có 39,8% giáo viên đã được tham gia các lớp tập huấn hoặc được đào tạo về SCCBD. Mặc dù những nghiên cứu về kiến thức và nhu cầu đào tạo của giáo viên tiểu học chúng tôi chưa tìm thấy ở Việt Nam. Tuy nhiên tỷ lệ này hoàn toàn tương đồng so với nghiên cứu nghiên cứu trên nhóm sinh viên các trường đại học như: Nghiên cứu của Nguyễn Thị Khánh Linh và cộng sự, có 90 % sinh viên các trường Đại học ở Thành phố Đà Nẵng [12]; Cao Xuân Ngọc (2013) với 83,5% sinh viên Đại học Quốc Gia Hà Nội có nhu cầu tham dự các khóa đào tạo/tập huấn về sơ cấp cứu [15]. Qua đó, chúng ta đều thấy rằng hầu như mọi người đều biết được tầm quan trọng của sơ cấp cứu cũng như có nhu cầu được đào tạo để có kiến thức tốt hơn trong vấn đề này

Là một trong những nghiên cứu đầu tiên khảo sát về kiến thức, nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu trên đối tượng là giáo viên đang công tác tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nam Định. Nghiên cứu có được số lượng lớn các giáo viên hưởng ứng tham gia nghiên cứu với tỷ lệ phản hồi cao và các phiếu điều tra có tỷ lệ không điền/ không trả lời thấp. Tuy nhiên nghiên cứu của chúng tôi còn một số hạn chế: Cỡ

mẫu nghiên cứu được chọn thuận tiện, cỡ mẫu nhỏ, kết quả nghiên cứu chỉ kết luận cho cỡ mẫu nghiên cứu không giá trị ngoại suy cho quần thể nghiên cứu; Trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ tìm hiểu kiến thức và các yếu tố liên quan đến kiến thức, xác định nhu cầu đào tạo về SCCBĐ của giáo viên các trường tiểu học tại thành phố Nam Định, mà không khảo sát trên các đối tượng khác.

5. KẾT LUẬN

Điểm trung bình về kiến thức SCCBĐ của giáo viên là $7,84 \pm 1,747$, tỉ lệ giáo viên có kiến thức đạt về SCCBĐ là 33%. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức sơ cấp cứu ban đầu của giáo viên là số năm công tác, tham gia khóa đào tạo tập huấn về SCCBĐ.

Số giáo viên tham gia tập huấn đào tạo về SCCBĐ chỉ chiếm 39,8%. Nhu cầu được đào tạo về SCCBĐ của giáo viên chiếm 97,7%. Có sự liên quan giữa đào tạo và kiến thức về nghĩa SCCBĐ, đuối nước, điện giật, bỏng, chảy máu cam.

Các trường Tiểu học cần có các chương trình giảng dạy, tập huấn liên tục về SCCBĐ cho đội ngũ giáo viên để củng cố, nâng cao kiến thức về SCCB nhằm đáp ứng với những tình huống khẩn cấp xảy ra. Giáo viên các trường Tiểu học cần học hỏi, rèn luyện kiến thức, kỹ năng SCCBĐ cho mình để khi gặp trường hợp tai nạn bất ngờ có thể giúp cho các em học sinh và chính bản thân mình, bạn bè, người thân trong gia đình, cộng đồng qua khỏi tình trạng nguy kịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. First aid - Wikipedia. the free encyclopedia:Accessed date 2020 Jul 18., tại trang web https://en.wikipedia.org/wiki/First_aid.

2. Lương Ngọc Khuê và Đặng Quốc

Tuấn (2014), Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

3. WHO (2002), “ The Injury Chart Book - A graphical overview of the global burden of injuries.”, ISBN 92 (4), tr. 156220 X.

4. WHO & UNICEF (2009), “ World report on child injury prevention 2008”. ISBN ISBN-13 978 92 9061 400 5, tr. 125-147.

5. WHO (2006), “Child and adolescent injury prevention: A WHO plan for action 2006-2015,” World Health Organization: Geneva, Switzerland.

6. Afrasyab Khan và các cộng sự. (2010), “Knowledge attitude and practices of undergraduate students regarding first aid measures”, Journal of the Pakistan Medical Association. 60(1), tr. 68-72.

7. Stefania Sosnowska và Tomasz . Kostka (2003), “Epidemiology of school accidents during a six school-year period in one region in Poland”, European journal of epidemiology. 18(10), tr. 977-982.doi: 10.1023/a:1025802203726.

8. Nawaf Rn Amro và Mohammad. Qtait (2017), “General knowledge & attitude of first aid among schoolteacher’s in Palestine”, International Journal of Innovative Research in Medical Science. 2(4), tr. 660-665.<https://doi.org/10.23958/ijirms/vol02-i04/05>

9. Yassir Al-Kubaisy và các cộng sự. (2019), “Teachers’ awareness regarding first-aid management and control of epistaxis inside schools in Riyadh region, Saudi Arabia”, International Journal of Medicine in Developing Countries. 3(12), tr. 1135-1139.doi: 10.24911/IJMDC.51-1572536771

10. Ngô Huy Hoàng; Phạm Thị Thu

Hương (2020), Giáo trình nghiên cứu khoa học Điều dưỡng, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 146 -152.

11. American Heart Association (2017), “Highlights of the 2017 American Heart Association Focused Updates on Adult and Pediatric Basic Life Support and Cardiopulmonary Resuscitation Quality”. <https://doi.org/10.1161/CIR.0000000000000540>

12. Nguyễn Thị Khánh Linh và các cộng sự. (2019), “Nghiên cứu kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên tại các trường đại học trên thành phố Đà Nẵng”, Tạp chí khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân. 1(32), tr. 17-23.

13. Wubet Taklual, Maru Mekie và Chalachew. Yenew (2020), “Determinants of first aid knowledge and basic practice among elementary school teachers in Debre Tabor Town, Northcentral Ethiopia”, The Open Public Health Journal. 13(1).DOI: 10.2174/1874944502013010380

14. Nitin Joseph và các cộng sự. (2015), “Awareness, attitudes and practices of first aid among school teachers in Mangalore, south India”, Prim health care. 7(4), tr. 274-281.doi: 10.1071/hc15274

15. Cao Xuân Ngọc; (2013), Khảo sát kiến thức, thái độ và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của tân sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội.